

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày: 16/01/201

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ G
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm N dân:

Ông Cao Trọng Mạnh

Ông Lương Minh Bôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án N dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện viện kiểm sát N dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2017/TLST-HS, ngày 28 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2017/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 08 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn N – sinh năm 1994, nơi ĐKTT: Khu vực TP1, phường ThH, quận ThN, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Ngon và bà Lê Thị Huệ.

- Tiền án: Ngày 17/7/2015 bị Tòa án N dân Quận ThN, thành phố Cần Thơ, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam LH, huyện BL, tỉnh Long An. Đến ngày 09/12/2015 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không có.

- Bản thân: Ngày 20/7/2017, bị Tòa án N quận ThN, thành phố Cần Thơ xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 01 (một) năm tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST, ngày 20/7/2017 (đã có hiệu lực); ngày 22/8/2017, bị Tòa án N

thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 02 (hai) năm tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST, ngày 22/8/2017 (đã có hiệu lực); ngày 09/11/2017, bị Tòa án N thành phố CM, tỉnh Cà Mau xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 02 năm 06 tháng tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 211/2017/HSST, ngày 09/11/2017, hiện bản án trên đã bị Viện kiểm sát N thành phố CM, tỉnh Cà Mau kháng nghị, đang chờ xét xử phúc thẩm.

Ngày 07/6/2016, có hành vi trộm cắp tài sản, ngày 11/11/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố G khởi tố và ra lệnh bắt tạm giam nhưng bỏ trốn. Ngày 29/3/2017, bị bắt truy nã và bị tạm giữ. Ngày 31/3/2017, chuyển tạm giam theo lệnh số 89. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố G.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Văn H – sinh năm 1995 (tên gọi khác: Long, Chánh); nơi ĐKTT: Khu vực TP1, phường ThH, quận ThN, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị L; con có 01 người sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không có;

- Bản thân: Ngày 22/8/2017, bị Tòa án N thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 01 (một) năm tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST, ngày 22/8/2017 (đã có hiệu lực).

Ngày 07/6/2016, có hành vi trộm cắp tài sản; ngày 11/11/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố G khởi tố và bắt bị can để tạm giam theo lệnh số 140, ngày 11/11/2016. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố G.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1982; nơi ĐKTT: Số 384, ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không có; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Lê Thị H; có vợ là Võ Thị P; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; ngày 09/6/2016, thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; đến ngày 24/01/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố G khởi tố và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư

trú; hiện đang tại ngoại và cư ngụ tại địa chỉ số 384, ấp BHT, xã TTTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho 02 bị cáo Võ Văn H và Võ Văn N:** Luật sư **Dương Thùy L** – công tác tại Văn phòng Luật sư Bùi Điệp và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị hại:

Lê Tấn S – sinh năm: 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: P6 – căn 34, đường 3 Tháng 2, P. H, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Lê Thanh T – sinh năm: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33/6/11A, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Lạc, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Lâm Cần T – sinh năm: 1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 97, đường CMTT, P. L, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Phan Thành Th – sinh năm: 1986 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 338, ấp Ph, xã TL, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Huỳnh Hồng Đ – sinh năm: 1976 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 160, đường CMTT, P. L, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Tấn P – sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm VT, phường VN, TP. CD, tỉnh An Giang

- Người làm chứng:

Huỳnh Ngọc Thùy L – sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BHT, xã TTTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Hà Phương Tr – sinh năm: 1975 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 544B, đường K, P. H, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyễn Duy N – sinh năm: 1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TL, xã TT, huyện CD, TP. Cần Thơ

Lê Hồng Ph – sinh năm: 1993 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 508, tổ 14, khu vực TP1, phường ThH, quận ThN, thành phố Cần Thơ.

Dương Thị Nh – sinh năm: 1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực TTh, phường ThH, quận ThN, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn N và Võ Văn H và cùng ngụ tại khu vực TP1, phường ThH, Quận ThN, thành phố Cần Thơ; là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định nên N và H đi đến thành phố G, tỉnh Kiên Giang tìm xe mô tô để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đó, N và H mang theo 01 cây đoản tự chế dùng để bẻ khoá xe mô - tô và sử dụng xe mô - tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số: 65K1-068.15 làm phương tiện đi trộm cắp xe. phương thức, thủ đoạn thường dùng là H điều khiển xe chở N đi theo các tuyến đường trong thành phố G để tìm xe mô - tô để sơ hở, không người trông coi; khi xác định được tài sản cần trộm cắp, H canh đường cho N tiếp cận dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe của người bị hại. Sau đó, H và N đem xe mô - tô trộm cắp được đi bán chia tiền nhau tiêu xài. Với phương thức, thủ đoạn như trên, cả hai đã thực hiện rất nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các tỉnh như Cần thơ, Đồng Tháp và Cà Mau. Riêng tại địa bàn thành phố G, tỉnh Kiên Giang, N và H đã thực hiện các vụ trộm cắp như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ, ngày 20/3/2016, H điều khiển xe mô - tô nhãn hiệu Wave, biển số 65K1-068.15 chở N đi tìm xe để trộm cắp, khi đi ngang nhà anh Lê Tấn S tại địa chỉ lô P6 – 34, đường 3 Tháng 2, phường AH, thành phố G thì phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade màu vàng - đen, biển số 68X1 -039.81 đang đậu trước cửa nhà nên H dừng xe đứng ngoài canh đường còn N đi đến dùng cây đoản phá khóa mở xe lấy trộm xe mô tô 68X1 -039.81 của anh Sinh. Kiểm tra thấy có giấy đăng ký xe, N và H chạy xe đến ấp Thạnh Phú 2, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ để nhờ anh Lê Văn L giới thiệu bán xe mô tô biển số: 68X1 -039.81 cho Nguyễn Văn Đ với giá 14.000.000 đồng, cả hai chia nhau tiêu xài cá N hết, do xe có giấy đăng ký nên anh L và Đ không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó, Đ cầm xe mô tô biển số: 68X1 -039.81 cho anh Trần Tấn P ở tiệm cầm đồ “Tám Hùng” tại khóm VT, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang với giá 23.000.000 đồng (anh P không biết xe do trộm cắp mà có). Sau khi đã hết thời hạn cầm cố mà không thấy Đ

đến chuộc xe nên anh P bán xe mô – tô trên cho anh Ngô Hồng T, ngụ khóm LT phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang với giá 26.500.000 đồng. Khi mua xong, anh T tiếp tục bán cho anh Phạm Lê P, ngụ số 29, Tr, phường B, thành phố G với giá 29.000.000 đồng. Đến ngày 30/7/2016, anh P biết xe trên do trộm cắp mà có nên đem xe giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ, ngày 26/3/2016, H điều khiển xe mô - tô nhãn hiệu Wave, biển số: 65K1-068.15 chở N chở N đi tìm xe để trộm cắp, khi đi ngang nhà anh Lâm Cần T ở số 97, CMTT, phường L, thành phố G thì phát hiện một xe mô - tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu xanh, biển số: 68S1 -251.26 đang đậu trước cửa nhà nên H dừng xe đứng ngoài canh đường còn N đi đến dùng cây đoản phá khóa, lấy trộm xe mô - tô biển số 68S1 -251.26 của anh Toàn. Sau đó, N và H điều khiển xe chạy đến ngã ba Lộ Tẻ thuộc địa phận quận ThN, thành phố Cần Thơ bán xe mô tô 68S1 -251.26 cho 01 người thanh niên tên H (chưa xác định N thân và địa chỉ) với giá 7.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Sau đó, H đem xe 68S1 -251.26 cầm cho anh Lăng Văn Nh, ngụ khu phố 6, thị trấn GR, tỉnh Kiên Giang với giá 12.000.000 đồng (anh Nh không biết xe trên do trộm cắp mà có). Đến ngày 15/6/2016, do không thấy Hậu đến chuộc xe nên anh Nh liên hệ anh T làm thủ tục chuyển tên sở hữu xe thì phát hiện xe trên do anh T bị mất trộm nên anh Nh giao cho cơ quan công an xử lý theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 13 giờ, ngày 23/5/2016, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số: 65K1-068.15 chở N đi tìm xe để trộm cắp, khi đi ngang nhà anh Phan Thành Th ở địa chỉ số 37, đường THT, phường AH, thành phố G thì phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng – bạc, biển số: 68C1-211.79 đang đậu trước cửa nhà nên H dừng xe đứng ngoài canh đường còn N đi đến dùng cây đoản phá khóa, lấy trộm xe mô - tô 68C1 -211.79 của anh T. Sau đó, N và H điều khiển xe chạy đến ngã ba Lộ Tẻ thuộc địa phận quận ThN, thành phố Cần Thơ bán xe mô tô 68C1 -211.79 cho 01 người thanh niên tên Hậu (chưa xác định N thân và địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết. Ngày 18/01/2017, Công an huyện GR tuần tra trên địa bàn huyện

phát hiện xe mô tô của anh Th do một đối tượng (chưa xác định được N thân và địa chỉ) điều khiển và bỏ lại bên đường, lúc này xe không có biển số nên đã thu giữ giao cho Công an thành phố G xử lý.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 11 giờ, ngày 07/6/2016, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số: 65K1-068.15 chở N đi tìm xe để trộm cắp, khi đi đến địa chỉ số 544B, đường K, phường An Hoà, thành phố G, thì phát hiện có 01 xe mô - tô nhãn hiệu HONDA Airblade, màu đen – xám, biển số: 68X1 – 040.64 của anh Lê Thanh T đang đậu trước nhà không có người trông coi. N kêu H dừng xe lại cách vị trí xe Airblade đậu khoảng 20 mét để đứng canh đường, còn N đi bộ đến vị trí xe Airblade đậu và dùng cây đoản phá khóa, lấy trộm xe mô - tô biển số: 68X1 – 040.64 của anh Tùng. Sau đó, N gọi điện thoại thông báo cho H biết và kêu H tự chạy xe về, còn N chạy xe vừa trộm được về nhà. Khi kiểm tra trong cốp xe thì N và H thấy có 01 giấy đăng ký xe nên H đã gọi điện thoại cho Đường để bán xe vừa trộm được và hẹn địa điểm giao dịch. Đến ngày 09/6/2016, N cùng H mang xe trộm được đến bến phà Doi Lửa thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp để gặp và bán cho Đường với giá 14.000.000 đồng. Khi thỏa thuận mua xe, Đ hỏi về nguồn gốc xe, H có nói cho Đường biết là xe do trộm cắp mà có nhưng Đ vẫn đồng ý mua. Ngày 20/6/2016, Đ sử dụng xe mô tô Airblade biển số 68X1 – 040.64 thì bị công an huyện HN, tỉnh Đồng Tháp phát hiện và tạm giữ.

Ngoài ra, N còn tự mình thực hiện vụ trộm xe thứ năm: Cụ thể là vào khoảng 17 giờ, ngày 26/03/2017, N đi bộ dọc theo tuyến CMTT, phường L, thành phố G với mục đích tìm tài sản trộm cắp. Khi N đi ngang nhà của anh Huỳnh Hồng Đ tại địa chỉ số 160, CMTT, phường L, thành phố G thì N phát hiện một xe mô - tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng – nâu, biển số: 68X1 -088.32 đang đậu trước cửa nhà nên N đi đến dùng cây đoản phá khóa, lấy trộm xe mô - tô của anh Đ chạy về hướng thành phố Cần Thơ. Sau đó, N phát hiện trong xe có giấy đăng ký xe mô - tô và nhiều giấy tờ tùy thân, N sợ bị phát hiện nên tháo biển số xe 68X1 -088.32 cắt và gắn biển số giả 65K1-162.79. Ngày 27/03/2017, N đưa xe mô tô nhãn hiệu HONDA AirBlade, gắn biển số giả 67B1-140.68 (do N trộm cắp trước đó tại thành phố CM trong một vụ án khác) cho Nguyễn

Duy N mượn chở bạn gái tên Dương Thị Nh (Nam không biết xe trên do N trộm cắp mà có) còn N dùng xe mô tô 68X1 -088.32 chở bạn gái tên Lê Hồng Ph để cùng đi đến thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang chơi. Đến ngày 28/03/2017, N định mang xe đi tiêu thụ thì bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ và thu toàn bộ vật chứng 02 xe mô tô trên.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn H và Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, người bị hại – Lê Tấn S, Lê Thanh T, Lâm Cần T, Phan Thành Th, Huỳnh Hồng Đ thống nhất với diễn biến sự việc tài sản của mình bị mất trộm như đã nêu trên, không có ý kiến gì đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, riêng người bị hại – Huỳnh Hồng Đ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo N và H.

Vật chứng thu được:

- 01 xe mô – tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số: 65K1-068.15 hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp tạm giữ do Võ Văn N thực hiện trong một vụ án khác.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen – cam, số khung 126743, số máy 129677, biển số 69B1-102.70; 01 biển số xe giả mang biển số 67B1-140.68; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn S, biển số 67B1-140.68; 01 giấy CMND số 376284316 mang tên Nguyễn Văn S là vật chứng trong vụ án khác xảy ra tại thành phố CM nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã chuyển cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố CM xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, biển số kiểm soát 68X1-040.64, số khung: RLHJF4606DY095110, số máy JF46E0109821, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong và 01 giấy đăng ký xe mô tô 68X1-040.64 do Lê Thị Thu Thủy đứng tên, đã trao trả cho người bị hại anh Lê Thanh T (Bút lục 33; 42).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu vàng - đen, biển số kiểm soát 68X1-039.81, số khung: 4605DY415792, số máy JF46EO139493, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong và 01 giấy đăng ký xe mô tô 68X1-039.81, đã trao trả cho anh Lê Tấn S (Bút lục 34; 43).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số kiểm soát 68S1-251.26, số khung: P710AY021024, số máy 5P71021025, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, đã trao trả cho người bị hại anh Lâm Cần T.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng – bạc, biển số kiểm soát 68C1-211.79, số khung: RLHHC1215DY4269, số máy HC12E-5494343, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, đã trao trả cho người bị hại anh Phan Thành Th.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng – nâu, biển số kiểm soát 68X1-088.32, số khung: 5108DY093713, số máy JF51E0093728, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, đã trao trả cho người bị hại anh Huỳnh Hồng Đ (Bút lục 196 đến 200).

Hiện những vật chứng sau đây đã nhập kho vật chứng: 01 (một) biển số xe mô tô giả mang số 65K1-162.79, 01 (một) CMND giả mang tên Từ Chí L, 01 (một) giấy phép lái xe giả mang tên Từ Chí L, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, imel: 355827054736175 bị vỡ màn hình, 01 (một) ống tip 0,8mm màu trắng, bằng kim loại, 01 (một) chìa khóa mở ổ 10mm, 01 (một) cây vít ba – ke cán bằng nhựa màu vàng – đỏ, 01 (một) cây vít hai đầu, cán bằng nhựa màu trắng – xanh, 01 (một) cây kềm đa năng bằng kim loại màu trắng (Bút lục 44; 45).

Về giá trị tài sản bị mất trộm:

- Tại bản kết luận định giá số 72, ngày 13/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, biển số kiểm soát số: 68X1-040.64, số khung: RLHJF4606DY095110, số máy JF46E0109821, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là: 30.000.000 đồng (Bút lục 39).

- Tại bản kết luận định giá số 118, ngày 16/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu vàng - đen, biển số kiểm soát 68X1-039.81, số khung: 4605DY415792, số máy JF46E0139493, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 35.000.000 đồng. (Bút lục số 41).

- Tại bản kết luận định giá số 66, ngày 01/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số kiểm soát 68S1-251.26, số khung: P710AY021024, số máy

5P71021025, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Tại bản kết luận định giá số 86, ngày 22/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng–bạc, biển số kiểm soát 68C1-211.79, số khung: RLHHC1215ĐY4269, số máy HC12E-5494343, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

- Tại bản kết luận định giá số 71, ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng – nâu, biển số kiểm soát 68X1-088.32, số khung: 5108DY093713, số máy JF51E0093728, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản trong 05 vụ trộm là 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hay KH nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Riêng bị cáo N và H còn số tiền 12.000.000 đồng có được do thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải buộc giao nộp để sung vào công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Tấn S, Lâm Cần T, Phan Thành Th, Lê Thanh T, Huỳnh Hồng Đ đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm . Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Trần Tấn P yêu cầu các bị cáo N, H, Đường bồi thường số tiền 23.000.000 đồng, giữa các bên thống nhất thỏa thuận bị cáo N và H mỗi người bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Đ bồi thường 9.000.000 đồng. Hiện nay, bị cáo H đã bồi thường xong theo biên lai thu tiền số 05767 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, bị cáo N và Đ chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 178/KSĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát N dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Võ Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố G vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Võ Văn N mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Võ Văn N; áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Võ Văn H mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Võ Văn H; áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60, Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số xe mô tô giả mang số 65K1-162.79; 01 (một) giấy CMND giả mang tên Từ Chí L; 01 (một) giấy phép lái xe giả mang tên Từ Chí Linh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, imel: 355827054736175 bị vỡ màn hình; 01 (một) ống tít 0,8mm bằng kim loại màu trắng; 01 (một) chìa khóa mở ổ 10mm; 01 (một) cây vít ba – ke cán bằng nhựa màu vàng – đỏ; 01 (một) cây vít hai đầu, cán bằng nhựa màu trắng – xanh; 01 (một) kèm đa năng bằng kim loại màu trắng. Tất cả là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 90, ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát N dân thành phố G.

Buộc bị cáo Võ Văn N và Võ Văn H giao nộp mỗi người số tiền 6.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo N bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Đường bồi thường 9.000.000 đồng cho anh Trần Tấn P.

- Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét việc bị cáo N và bị cáo H phạm tội trong điều kiện, hoàn cảnh túng tH, kinh tế khó khăn dẫn đến việc không làm chủ bản thân, thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H phạm tội lần đầu, là người có N thân tốt, hiện đang có con nhỏ, tH người nuôi dưỡng, bị cáo H đã trực tiếp tác động gia đình bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Trần Tấn P; tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N và bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Nên theo quan điểm của người bào chữa là có đủ cơ sở để xem xét quyết

định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo H, riêng đối với bị cáo N khi lượng hình cũng cần xem xét mức án nhẹ theo quy định do hiện nay bị cáo N đã bị Tòa án nhiều nơi xét xử và chuẩn bị chấp hành hình phạt tù. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 để xem xét hình phạt cho bị cáo H, áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 để xem xét hình phạt cho bị cáo N,

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Võ Văn N, Võ Văn H xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn Đ: Theo lý lịch bị can thì bị cáo Đường có tiền sử về bệnh tai biến mạch máu não, liệt nửa cơ thể; hiện đang mắc bệnh: Chứng nuy [Di chứng bệnh mạch máu não], Huyết vụng [Tăng huyết áp vô căn (nguyên phát)]; do đó, tình trạng sức khỏe khó có thể tham gia phiên tòa. Hơn nữa, bị cáo Đường là người có N thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố cũng như trong giai đoạn Tòa án thụ lý giải quyết, bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai không có mâu thuẫn với lời khai của 02 bị cáo Võ Văn N, Võ Văn H và người bị hại Lê Thanh T (bút lục số: 69-76, 78-87, 108-111, 210-211, 218-221). Tại biên bản làm việc lập ngày 28/12/2017, bị cáo Đường trình bày: “Thống nhất với nội dung Bản cáo trạng số: 178/KSĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017, xác định việc Viện kiểm sát N dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự là

đúng, do tình trạng sức khỏe của bị cáo không đảm bảo để tham gia phiên tòa nên bị cáo yêu cầu xét xử vắng mặt”. Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử xác định việc vắng mặt của bị cáo Đường không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Đường.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo và những chứng cứ xác định có tội:

Võ Văn N và Võ Văn H là những người không có nghề nghiệp ổn định nên N và H sử dụng xe mô - tô nhãn hiệu Wave màu xanh biển số: 65K1-068.15 và dùng cây đoản tự chế để làm công cụ, phương tiện đi trộm cắp xe mô - tô. Từ ngày 20/3/2016, N và H đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp xe mô - tô của người khác trên địa bàn thành phố G, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Ngày 20/3/2016, trộm cắp 01 xe mô - tô nhãn hiệu HONDA Airblade, màu vàng - đen, biển số: 68X1 - 039.81 của anh Lê Tấn S tại địa chỉ: lô P6-34, đường 3 Tháng 2, phường AH, thành phố G. Giá trị tài sản qua giám định là 35.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2016, trộm cắp 01 xe mô - tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu xanh, biển số: 68S1 - 251.26 của anh Lâm Cần T tại địa chỉ: số 97, CMTT, phường L, thành phố G. Giá trị tài sản qua giám định là 20.000.000 đồng.

Ngày 23/5/2016, trộm cắp 01 xe mô - tô nhãn hiệu Wave, màu trắng - bạc, biển số: 68C1 - 211.79 của anh Phan Thành Th tại địa chỉ: số 37, đường Tô Hiến Thành, phường AH, thành phố G. Giá trị tài sản qua giám định là 12.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2016, trộm cắp 01 xe mô - tô nhãn hiệu HONDA Airblade, màu đen - xám, biển số: 68X1 - 040.64 của anh Lê Thanh T tại địa chỉ: số 544B Lâm Quang Ky, phường An Hoà, thành phố G. Giá trị tài sản qua giám định là 30.000.000 đồng. Đến ngày 09/6/2016, N cùng H mang xe trộm được đến bến phà Doi Lửa thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp để bán cho Nguyễn Văn Đ. H có nói chiếc xe trên do N và H trộm cắp cho Đường biết rõ nhưng Đường vẫn đồng ý mua với giá là 14.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 26/3/2017, N còn tự mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô - tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu trắng - nâu, biển số: 68X1 -088.32 của anh

Huỳnh Hồng Đ tại địa chỉ: số 160, CMTT, phường L, thành phố G. Giá trị tài sản qua giám định là 45.000.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo N chiếm đoạt là 142.000.000 đồng, bị cáo H chiếm đoạt là 97.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để HĐXX kết luận bị cáo Võ Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, được quy định tại điểm khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét về N thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau. Cho nên, cần xem xét, phân tích vai trò của từng bị cáo như sau:

Cả hai bị cáo N H đều thừa nhận phương thức, thủ đoạn thường dùng là H điều khiển xe chở N đi theo các tuyến đường trong thành phố G để tìm xe mô – tô để sơ hở, không người trông coi; khi xác định được tài sản cần trộm cắp, H canh đường cho N tiếp cận dùng đoạn bẻ khóa lấy trộm xe của người bị hại. Sau đó, H và N đem xe mô – tô trộm cắp được đi bán chia tiền nhau tiêu xài. Hành vi trên của hai bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, thể hiện rõ sự phân công, bàn bạc, sắp đặt vai trò cụ thể cho nhau, chuẩn bị sẵn công cụ, phương tiện thực hiện việc phạm tội khi xác định được tài sản cần trộm cắp. Từ đó, đủ cơ sở để xác định bị cáo N và H cùng thực hiện hành vi phạm tội một cách có tổ chức.

Bị cáo N có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã chấp hành án xong vào ngày 09/12/2015 nhưng chưa được xóa án tích. Đáng lẽ, thông qua sự cảm hóa, giáo dục của cán bộ trại giam, bị cáo phải biết và nhận thức được hành vi phạm tội là sai trái nhưng không bao lâu sau khi mãn hạn tù, bị cáo không lao động chân chính mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội với cùng một hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn các tỉnh Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau, sử dụng số tiền có được từ

việc trộm cắp để làm nguồn sống chính; hiện nay, bị cáo N đã bị Tòa án N quận ThN, thành phố Cần Thơ xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 01 (một) năm tù (đã có hiệu lực), Tòa án N thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 02 (hai) năm tù, (đã có hiệu lực), Tòa án N thành phố CM, tỉnh Cà Mau xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 02 năm 06 tháng tù, hiện bản án trên đã bị Viện kiểm sát N thành phố CM, tỉnh Cà Mau kháng nghị, đang chờ xét xử phúc thẩm. Do đó, căn cứ theo mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì việc bị cáo N thực hiện tội phạm trên là đủ điều kiện để áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”.

Bị cáo H tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã tham gia cùng bị cáo N thực hiện 04 vụ trộm tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang và 02 vụ trộm tại thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp; hiện nay, bị cáo H đã bị Tòa án N thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 01 (một) năm tù, (đã có hiệu lực)

Bị cáo Đường không có hứa hẹn, bàn bạc hoặc thỏa thuận trước với bị cáo N và H về hành vi tiêu thụ sau khi trộm được tài sản mà là tự bị cáo N và H liên hệ với bị cáo Đường để thỏa thuận mua bán. Đáng lẽ sau khi nghe bị cáo H nói xe mô – tô nhãn hiệu HONDA Airblade, màu đen – xám, biển số 68X1 – 040.64 là tài sản do phạm tội mà có thì bị cáo Đường phải từ chối và trình báo cho cơ quan công an về hành vi phạm tội nêu trên nhưng bị cáo Đường lại thực hiện hành vi tiêu thụ và mua tài sản trộm cắp với giá là 14.000.000 đồng.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo N và H, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N và H phạm tội nhiều lần, đối với bị cáo N còn tái phạm, nên cần áp dụng tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, 02 bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra bị cáo H còn tác động gia đình khắc phục hậu quả và đã bồi thường xong cho anh Trần Tấn P số tiền 7.000.000 đồng. Do đó cần cho bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ

luật hình sự, bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

Do đó, bị cáo Võ Văn N và Võ Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích gia đình và xã hội đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đường, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo Đường là người có N thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Hơn nữa, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; ngoài ra, cũng cần xem xét đến bị cáo mắc bệnh: Bản thân bất toại [di chứng nhồi máu não], Huyền Vượng [tăng huyết áp vô căn (nguyên phát)] và đang trong thời gian điều trị. Nên cần thiết áp dụng cho bị cáo điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao “*hướng dẫn Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo*” để xem xét hình phạt đối với bị cáo đúng quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Xét yêu cầu của người bị hại và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo N và bị cáo Đường còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn N mức án 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án N dân quận ThN, thành phố Cần Thơ về tội: “Trộm cắp tài sản” và hình phạt 02 (hai) năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án N dân

thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp về tội: “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo Võ Văn N phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ: 29/3/2017.

- Căn cứ vào điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn H phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn H mức án 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án N dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp về tội: “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo Võ Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam: 11/11/2016.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60, Điều 33 Bộ luật hình sự, Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao “*hướng dẫn Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2018). Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban N dân xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số xe mô tô giả mang số 65K1-162.79; 01 (một) giấy CMND giả mang tên Từ Chí Linh; 01 (một) giấy phép lái xe giả mang tên Từ Chí Linh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, imel: 355827054736175 bị vỡ màn hình; 01 (một) ống tip 0,8mm bằng kim loại màu trắng; 01 (một) chìa khóa mở ổ 10mm; 01 (một) cây vít ba – ke cán bằng nhựa màu vàng – đỏ; 01 (một) cây vít hai đầu, cán bằng nhựa màu trắng – xanh; 01 (một) kèm đa năng bằng kim loại màu trắng. Tất cả là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 90, ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát N dân thành phố G.

Buộc bị cáo Võ Văn N và Võ Văn H giao nộp mỗi người số tiền 6.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo N bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Đường bồi thường 9.000.000 đồng cho anh Trần Tấn P.

- Về án phí:

+ Án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Văn N phải chịu 350.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng) và bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 450.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo Võ Văn N và Võ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2018). Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Công an TP. G;
- Chi cục THADS TP. G
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Luân

CÁC HỘI THẨM **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Trọng Mãnh

Lương Minh Bôn

Đào Đức Luân

Nơi nhận:

- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Trinh